TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:**34**/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 22/4/2019
Về việc: "Xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thanh Toàn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Ông Nguyễn Tấn Lập.**

2. Bà Phạm Hồng Gái.

Thư ký tòa án ghi Biên bản phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 49/2019/TLST - HNGĐ, ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc " Xin Ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019.

Nguyên đơn: Chị **Trát Thị T,** Sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố Thành Công, thị trấn Sóc S, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn P,** Sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố Thành Công, thị trấn Sóc S, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và tại phiên Tòa hôm nay chị Trát Thị T trình bày:

Chị Trát Thị T và anh Nguyễn Văn P lấy nhau là do yêu thương được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1992 không có đăng ký kết hôn. thời gian đầu mới kết hôn thì vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đã có với nhau hai người con chung là cháu Nguyễn Hoàng Giang, sinh năm 1994 và cháu Nguyễn Thị Phượng, sinh năm 1998. Từ năm 2013 thì tình cảm vợ chồng rạn nứt có nhiều mâu thuẫn xảy ra do anh P lo ăn nhậu quên trách nhiệm người chồng thường xuyên đánh đập vợ con và hai vợ chồng đã ly thân từ đó cho tới nay. Từ khi ly thân thì giữa hai vợ chồng không còn quan tâm, không chăm sóc nhau cuộc sống của ai người đó tự lo. Nay chị Trát Thị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và sống chung với nhau được nữa, nên Chị T yêu cầu Tòa án không công nhận chị T và anh P là vợ chồng.

Về con chung: Chị Trát Thị T và anh Nguyễn Văn P có hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng Giang, sinh năm 1994 và cháu Nguyễn Thị Phượng, sinh năm 1998, Hiện tại các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Trát Thị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ và cho vay nợ: Chị Trát Thị T trình bày vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị T không trình bày gì thêm.

Bị đơn anh Nguyễn Văn P: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giap nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhưng anh Nguyễn Văn P đều cố tình vắng mặt nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Toà, Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, căn cứ vào Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

- Mặc dù Tòa án đã tống đạt các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh Nguyễn Văn P vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng đối với anh Nguyễn Văn P theo quy định Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét về hôn nhân: Chị Trát Thị T và anh Nguyễn Văn P lấy nhau là do tự tìm hiểu yêu thương nhau được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1992, không có đăng ký kết hôn, khoảng năm 2013 nay thì phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng, dẫn đến chị Trát Thị T yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn P. Hội đồng xét xử thấy rằng chị Trát Thị T và anh Nguyễn Văn P lấy nhau không đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận, vì tại Điều 14 luật Hôn nhân và gia đình quy định "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng" và tại Điều 53 luật Hôn nhân gia đình quy định "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...". Do đó căn cứ vào các quy định này Hội đồng xét xử không công nhận chị Trát Thị T và anh Nguyễn Văn P là vợ chồng.

[3] Xét về con chung: Chị Trát Thị T và anh Nguyễn Văn P có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Giang, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị Phượng, sinh năm 1998. Hiện tại các con chị T và anh P đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Xét về quan hệ tài sản chung của vợ chồng: Chị T thừa nhận giữa chị với anh Nguyễn Văn P không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về nợ và cho vay nợ: Chị Trát Thị T trình bày vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án. Thì chị Trát Thị T phải chịu án phí là Hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trát Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

1. Về Hôn nhân: Không công nhận chị Trát Thị T và anh Nguyễn Văn P là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Hiện tại hai con đã trưởng thành nên hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung: chị Trát Thị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ và cho vay nợ: Chị Trát Thị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Trát Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí, nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Trát Thị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu số 0000644 ngày 11 tháng 01 năm 2019 số tiền theo biên lai là 300.000đ. Như vậy chị Trát Thị T đã nộp xong án phí.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng anh Nguyễn Văn P vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa

đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Phòng GĐKT;
- THA;
- Lưu;

Trương Thanh Toàn